**TUẦN 24**

**TIẾT 1**

T**HỰC HÀNH: XEM BĂNG HÌNH VỀ ĐỜI SỐNG VÀ TẬP TÍNH CỦA CHIM**

**1. Mục tiêu:**

1. Kiến thức: Củng cố, mở rộng bài học qua băng hình về đ/sống và tập tính chim bồ câu và những loài chim khác

- Biết cách ghi chép tóm tắt những nội dung đã xem trên băng đĩa

2. Kỹ năng quan sát tranh và tóm tắt nội dung đã xem.

3.Giáo dục ý thức học tập, yếu thích bộ môn.

**II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh:**

1.Chuẩn bị của giáo viên: Chuẩn bị băng hình, máy chiếu ( đĩa hình, đầu đĩa)

2. Chuẩn bị của học sinh: - Ôn lại kiến thức lớp Chim

- Kẻ phiếu học tập vào vở

**III. Hoạt động dạy và học:**

- GV giới thiệu băng hình: “Tập tính của Chim” về sự di chuyển, kiếm ăn và sự sinh sản.

- GV yêu cầu tiết thực hành:

1. Xem và tóm tắt nội dung băng hình
2. Giữ trật tự nghiêm túc
3. Làm bảng thu hoạch theo phiếu học tập

**HĐ1: I- XEM BĂNG HÌNH VÀ GHI CHÉP** (30’)

HS ghi tên từng mục của băng hình. Ở mỗi mục HS ghi thông tin từng đoạn băng🡪 Trả lời câu hỏi từng mục, từng đoạn băng.

**1) Sự di chuyển:** ( 10’)

a) Bay và lượn: + Đoạn 1: Bay vỗ cánh

+ Đoạn 2: Bay lượn

b) Những kiểu di chuyển khác + Leo,trèo

+ Đi, chạy, nhảy

+ Bơi

1) Nêu tên những loài chim có kiểu bay vỗ cánh và bay lượn trên băng hình

2) So sánh kiểu bay vỗ cánh và kiểu bay lượn dựa vào những động tác bay của Chim.

**2) Kiếm ăn:** ( 10’)

Đoạn 1: Hoạt động ngày đêm trong tìm mồi, loại mồi khác nhau.

Đoạn 2: Hoạt động thực hiện chế độ ăn

\* Câu hỏi:

1) Nêu tên những loài Chim có hoạt động kiếm ăn về ban ngày và ban đêm.

2) Miêu tả cách thức bắt mồi của 1 loài chim cụ thể trên băng hình.

**3) Sinh sản:** (10’)

Đoạn 1: Phân biệt đực cái và sự khoe mẽ, giao phối.

Đoạn 2: Làm tổ

Đoạn 3: Ấp trứng, nuôi con

\* Câu hỏi:

1) Công đực khác công cái ở những điểm nào?

2) Miêu tả những động tác khoe mẽ ở công đực.

3) Miêu tả cách làm tổ của quạ và vàng anh.

**HĐ2:TRAO ĐỔI, THẢO LUẬN NỘI DUNG CỦA CÁC MỤC TIÊU CƠ SỞ NHỮNG CÂU HỎI MÀ GV ĐÃ ĐỀ XUẤT RA TRƯỚC** (5’)

GV nêu lại câu hỏi, HS dựa vào nội dung từng đoạn băng hình để thảo luận thống nhất trong nhóm câu trả lời.

**HĐ3:LÀM BẢNG THU HOẠCH NGẮN GỌN SAU KHI XEM BĂNG HÌNH:**

**Điền vào phiếu học tập** (9’)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tên ĐV quan sát được** | **Di chuyển** | | | **Kiếm ăn** | | **Sinh sản** | | |
| Bay  đập cánh | Bay lượn | Bay khác | Thức ăn | Cách bắt mồi | Giao hoan | Làm tổ | Ap trứng nuôi con |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**V. Tổng kết đánh giá**

GV căn cứ vào chất lượng bảng thu hoạch của HS, rút kinh nghiệm về cách ghi chép, cách diễn đạt nội dung ghi chép, ý thức kỉ luật trong buổi xem băng hình.

Thu bài thu hoạch các nhóm🡪 Để chấm điểm

**VI.Hướng dẫn hoạt dộng về nhà** (1’)

- Sưu tầm tranh về đời sống, hoạt động của thỏ

- Kẻ bảng sgk/150.

- Ôn tập các lớp Cá, Lưỡng cư, Bò sát, Chim 🡪 Kiểm tra 15’

**Rút kinh nghiệm:**

TUẦN 24

TIẾT 2

**LỚP THÚ**

**THỎ**

**1. Mục tiêu:**

1. Kiến thức:- Tìm hiểu đời sống và giải thích được sự sinh sản của thỏ tiến bộ hơn chim bồ câu.

- Giải thích được cấu tạo ngoài của thỏ thích nghi với đời sống và tập tính lẩn trốn kẻ thù.

Tìm hiểu đặc điểm di chuyển của thỏ.

2. Kỹ năng: Quan sát và hoạt động nhóm.

3.Giáo dục ý thức yêu thích môn học và bảo vệ ĐV.

**II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh:**

1.Chuẩn bị của giáo viên: - Tranh 46.1,2,3,4,5 + mô hình cấu tạo ngoài của thỏ.

- Kẻ bảng phụ sgk/150

2. Chuẩn bị của học sinh: - Sưu tầm tranh vẽ hoạt động sống của thỏ.

- Kẻ bảng sgk/150 vào vở

**III. Hoạt động dạy và học:**

* Kiểm tra bài cũ: Làm bài kiểm tra 15’
* Bài mới:

**HĐ1: I- ĐỜI SỐNG:** (8’)

a) Mục tiêu: - HS thấy được 1 số tập tính của thỏ, hiện tượng thai sinh đặc trưng cho lớp Thú

b) Cách tiến hành:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| - Yêu cầu HS nghiên cứu thông tin + H.46.1 sgk🡪 tìm hiểu đời sống của thỏ 🡪 Yêu cầu nơi được:   * Nơi sống * Thức ăn và thời gian kiếm ăn * Cách lẫn trốn kẻ thù.   - Gọi 1,2 nhóm trình bày 🡪 Nhóm khác bổ sung  - GV chốt lại kiến thức 🡪 Ghi bảng phụ  - Yêu cầu HS tiếp tục tìm hiểu về hình thức sinh sản của thỏ 🡪 Trả lời:   * Nơi thai phát triển * Bộ phận giúp thai trao đổi chất với môi trường * Loại con non * Thỏ mẹ chăm sóc con như thế nào? * Hiện tượng thai sinh tiến hóa hơn so với đẻ trứng và noãn thai sinh như thế nào? | - Cá nhân đọc thông tin + quan sát H.46.1 🡪 thu thập thông tin 🡪 thảo luận trả lời:   * Ven rừng, bụi rậm * Cỏ, lá ( gặm nhấm). Chiều và đêm * Ẩn náu, chạy trốn   - Sau khi thảo luận🡪 Đại diện nhóm trình bày 🡪 Nhóm khác nhận xét, bổ sung  - HS sửa vào vở  - HS trao đổi trong nhóm 🡪 Trả lời:   1. Tử cung 2. Nhau thai 3. Yếu 4. Làm tổ, cho con bú 5. Phôi được cơ thể mẹ cung cấp chất dinh dưỡng, không lệ thuộc vào lượng noãn hoàng như ĐVCXS đẻ trứng. Phôi được phát triển trong bụng mẹ an toàn và điều kiện sống thích hợp cho sự phát triển. Con non được nuôi bằng sữa mẹ không lệ thuộc vào nguồn thức ăn ngoài tự nhiên. | **I. đời sống của thỏ**  - Thỏ sống đào hang, lẩn trốn kẻ thù bằng cách nhảy cả 2 chân sau  - ăn cỏ lá cây bằng cách gặm nhấm, kiếm ăn về chiều  - Thỏ là động vật hằng nhiệt  - Thụ tinh trong  - Thai phát triển trong tử cung của thỏ mẹ  - Có nhau thai→gọi là hiện tượng thai sinh  - Con non yếu được nuôi bằng sữa mẹ |

**So sánh đời sống và sự sinh sản của thỏ hoang và thằn lằn bóng**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Đặc điểm đời sống** | **Thỏ hoang** | **Thằn lằn bóng** |
| **Nơi sống và tập tính** | Ưa sống những nơi ở ven rừng, trong các bụi rậm, có tập tính đào hang | Sống nơi khô ráo, thảm TV không quá rậm rạp. Sống trong hang đất tự nhiên |
| **Thời gian hoạt động** | Kiếm ăn chủ yếu về buổi chiều và đêm | Bắt mồi vào ban ngày |
| **Thức ăn và tập tính ăn** | Ăn cỏ, lá, củ, quả,… bằng cách gặm nhấm | Sâu bọ, chủ yếu là nuốt chửng |
| **Sinh sản** | Thụ tinh trong  Đẻ con, có hiện tượng thai sinh | Thụ tinh trong  Đẻ trứng |

**II – CẤU TẠO NGOÀI VÀ DI CHUYỂN**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của HS** | **Nội dung** |
| **HĐ2:1) Cấu tạo ngoài:**  (10’)  a) Mục tiêu: HS thấy và hiểu được cấu tạo ngoài của thỏ thích nghi với đời sống và tập tính lẩn trốn kẻ thù  b) Cách tiến hành:  - Yêu cầu HS đọc thông tin sgk/149,150 + quan sát H.46,2,3🡪 thảo luận nhóm, hoàn thành phiếu học tập  - GV treo bảng phụ 🡪 ghi ý kiến HS 🡪 Nhận xét, sửa chữa🡪 thông báo đáp án đúng | - Sử dụng tranh sưu tầm được + cá nhân đọc thông tin sgk + quan sát hình 🡪 ghi nhớ kiến thức  - Trao đổi nhóm 🡪 Hoàn thành phiếu học tập  - Đại diện nhóm trả lời🡪 các nhóm khác n/ xét, b/ sung | **II. Cấu tạo ngoài và di chuyển**  **1. Cấu tạo ngoài**  - Nội dung trong phiếu học tập  **2. Di chuyển**  - Thỏ di chuyển bằng cách nhảy cả bằng hai chân sau. |

**Đặc điểm cấu tạo ngoài của thỏ thích nghi với đời sống và tập tính lẩn trốn kẻ thù**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bộ phận cơ thể** | | **Đặc điểm cấu tạo ngoài** | | **Sự thích nghi với đời sống và tập tính lẩn trốn kẻ thù** |
| **Bộ lông mao** | | Dày, xốp | | Giữ nhiệt tốt, giúp thỏ an toàn khi lẩn trốn trong bụi rậm |
| **Chi**  **( có vuốt)** | **Chi trước** | Ngắn | | Đào hang và di chuyển |
| **Chi sau** | Dài, khỏe | | Bật nhảy xa🡪 Giúp tỏ chạy nhanh khi bị săn đuổi |
| **Giác quan** | **Mũi** | Thính | | Thăm dò thức ăn và môi trường |
| **Lông, xúc giác** | Cảm giác, xúc giác nhanh nhạy | | Phát hiện kẻ thù |
| **Tai** | Thính | | Định hướng âm thanh phát hiện nhanh kẻ thù |
| **Vành tai** | Dài, lớn, cử động được theo các phía | |
| **HĐ3: 2) Sự di chuyển: (6’)**  - Yêu cầu HS quan sát H.46,4,5 🡪 thảo luận và trả lời câu hỏi   * Thỏ di chuyển được bằng cách nào? * Tại sao thỏ chạy dai sức không bằng thú ăn thịt, song 1 số trường hợp thỏ vẫn thoát được kẻ thù? | | | - Tự nghiên cứu thông tin sgk + quan sát H.46.4,5 🡪 ghi nhớ kiến thức  - Trao đổi nhóm thống nhất câu trả lời  - Sử dụng tranh sưu tầm được trình bày   * Nhảy đồng thời bằng cả 2 chân sau * Thỏ chạy chữ Z 🡪 thú ăn thịt bị mất đà, thỏ lẩn trốn vào bụi rậm( nhờ bộ lông dày, thân hình thon nhỏ), nhờ ria xúc giác 🡪 Thỏ phát hiện hang đá, hốc đất   - Rút ra kết luận về cách di chuyển của thỏ. | |
| **c) Kết luận: Thỏ di chuyển bằng cách nhảy đồng thời bằng cả hai chân sau.** | | | | |

**IV. Kết luận bài học:** Kết luận sgk/151 (1’)

**V. Tổng kết đánh gia:** (4’)

**BT: Hãy khoanh tròn vào chữ cái đầu câu trả lời đúng nhất:**

**1) Bộ lông mao có vai trò gì trong đời sống của thỏ**

a) Giữ nhiệt b) Dễ lẩn trốn trong bụi rậm

c) Giúp cho cơ thể có nhiệt độ không thay đổi theo nhiệt độ môi trường d) Cả a, b đúng

**2) Thỏ bật nhảy xa khi chạy nhanh là nhờ:**

a) Chi trước ngắn b) Chi sau dài khỏe

c) Cơ thể thon nhỏ d) Cả a, b, c đều đúng

**VI. Hướng dẫn hoạt động về nhà:** (1’)  
- Học bài + trả lời câu hỏi sgk

- Ôn lại kiến thức về cấu tạo trong của bò sát

**Rút kinh nghiệm:**